

Số: 16 /BC-THS2NS

Na Sang, ngày 1 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Na Sang, xã Na Sang, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: Hiệu trưởng: 036 6802045

Phó Hiệu trưởng: 0336628766

Phó Hiệu trưởng: 0972241298

- Trang thông tin điện tử: <https://thso2nasang.muongcha.edu.vn>.

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Na Sang, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang đoàn kết tạo dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện và sáng tạo, giúp mỗi học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ. Chúng tôi khuyến khích sự tự tin, tự lập, và khả năng học tập suốt đời của mỗi em, nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng và phát triển để phấn đấu trở thành một trong những trường tiểu học tiêu biểu của xã Na Sang, là nơi mà mỗi học sinh đều được quan tâm, phát huy tối đa tiềm năng của mình. Chúng tôi hướng đến việc phát triển một thể hệ học sinh không chỉ giỏi về kiến thức mà còn có kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm và tình yêu quê hương, đất nước.

4.3. Mục tiêu

(1). **Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập:** Đảm bảo rằng học sinh nắm vững kiến thức cơ bản trong các môn học chính khóa, đặc biệt là Toán, Tiếng Việt và các môn khoa học. Khuyến khích học sinh phát triển kỹ năng tư duy logic, sáng tạo, và giải quyết vấn đề.

(2). **Phát triển toàn diện cho học sinh:** Không chỉ chú trọng đến học tập, nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

(3). **Tạo dựng môi trường học tập thân thiện và an toàn:** Xây dựng một môi trường học đường lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường. Đảm bảo mỗi học sinh đều cảm thấy an toàn và được tôn trọng.

(4). **Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy và học tập, giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp học tập hiện đại.

(5). **Phát triển đội ngũ giáo viên:** Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp, và có khả năng ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Thành lập vào ngày 01 tháng 7 năm 2009, trường được chia tách từ Trường tiểu học Na Sang, xã Na Sang. Đến 1.6.2020 trường được đổi tên là trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang. Mục tiêu của trường là giáo dục con em các dân tộc trên 6 điểm bản trường phụ trách có đủ đức, đủ tài để sau này phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của trường thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020; thông tư số 05/VBHN – BGDDĐT ngày 24/12/2015 thông tư ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú. Căn cứ thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 2 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú; Căn cứ Thông tư 05/2025/TT-BGD -ĐT ngày 07 tháng 03 năm 2025 thông tư Bộ giáo dục – Đào tạo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Trong những năm qua, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong tỉnh, xã. Đã có nhiều thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi trong các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp xã, cấp trường. Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng. Chất lượng học sinh có sự chuyên biến rõ nét qua từng năm học. Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường nay đã trưởng thành. Đó là nguồn động viên cổ vũ tiếp sức cho các thầy cô trong nhà trường nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành quả trong công tác chuyên môn.

Trong những năm qua, Trường PTDTBT Tiểu học Số 2 Na Sang liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” và tặng Giấy khen, Bằng khen của các cấp.

Hàng năm, có từ 80% trở lên cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến, 6-7 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, nhiều lượt cá nhân được tặng Bằng khen, giấy khen của các cấp.

Năm 2020 Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

Năm 2020 trường công nhận duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Cho đến nay, nhà trường tiếp tục phấn đấu về mọi mặt để nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì trường chuẩn mức độ 1 và đạt được một số tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp

thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia trong các năm học tiếp theo.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Nguyễn Thị Mai Anh
 - Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang, xã Na Sang, tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại: 0366802045

- Gmail: anhntm.thhitran.muongcha@dienbien.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Trường Tiểu học số 2 Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà được thành lập theo QĐ số 617/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2009 trên cơ sở chia tách từ trường Tiểu học Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà.

Tháng 5 năm 2020 Trường Tiểu học số 2 Na Sang đổi tên thành trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà theo QĐ số 1482/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

QĐ số 268/QĐ - PGDDT ngày 21/10/2019 của trường PGDDT. Quyết định số 13/QĐ-UBND, ngày 03/01/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập hội đồng trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bà: Nguyễn Thị Mai Anh	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	
2.	Ông: Cháng A Nủ	Phó Chủ tịch UBND xã	
3.	Ông: Bùi Văn Chung	Bí thư Đoàn trường	
4.	Bà: Trần Thanh Dung	Tổng Phụ trách Đội	
5.	Bà: Nông Thị Tuyết	Tổ trưởng tổ khối 1	
6.	Bà: Nguyễn Thị Loan	Tổ trưởng tổ khối 2 +3	
7.	Bà: Nguyễn Thị Thùy Ninh	Tổ trưởng tổ khối 4+5	
8.	Ông: Tòng Văn Thành	Tổ trưởng tổ hành chính	
9.	Trưởng ban ĐDCMHS của trường	Lò Văn Tôn	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 17/07/2025 của UBND xã Na Sang Về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Mai Anh giữ chức vụ Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang, xã Na Sang.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/07/2025 của UBND xã Na Sang Về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang, xã Na Sang.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 18/07/2025 của UBND xã Na Sang Về việc bổ nhiệm bà Trần Thị Lụa giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang, xã Na Sang.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 22 đảng viên.
- + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 327 đội viên và nhi đồng
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Trường Tiểu học số 2 Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà được thành lập theo QĐ số 617/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2009 trên cơ sở chia tách từ trường Tiểu học Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà.

Tháng 5 năm 2020 Trường Tiểu học số 2 Na Sang đổi tên thành trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang xã Na Sang huyện Mường Chà theo QĐ số 1482/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Mai Anh	Hiệu trưởng	0366802045	anhntm.ththitran.muongcha@dienbien.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thanh	Phó hiệu trưởng	0336628766	thanhnt.ptdtbtthsalong.muongcha@dienbien.edu.vn
3	Trần Thị Lụa	Phó hiệu trưởng	0972241298	luatt.thsso2nasang.muongcha@dienbien.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:
 Tổng số 29 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	07	
2	Giáo viên TH hạng III	16	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện, Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
4	Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	3	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 05 điểm trường lẻ

- Trung tâm có diện tích là 2765 m²/265 học sinh, trung bình đạt 10,4 m²/học sinh.
- Điểm trường Na Pheo có diện tích là 348 m²/12 học sinh, trung bình đạt 29 m²/học sinh.
- Điểm trường Huổi Xuân có diện tích là 499 m²/20 học sinh, trung bình đạt 25 m²/học sinh.
- Điểm trường Huổi Xưa có diện tích là 765 m²/13 học sinh, trung bình đạt 58,8 m²/học sinh.
- Điểm trường Pu Ca có diện tích là 750 m²/10 học sinh, trung bình đạt 75 m²/học

sinh.

- Điểm trường Na Sang 2 có diện tích là 588 m²/7 học sinh, trung bình đạt 84 m²/học sinh.

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; phòng khoa học công nghệ các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 21 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ

dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 75 đầu sách, 80 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 276 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	

Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

* Quyết định số 2254/QĐ-SGDĐT ngày 07/07/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

* Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 13/07/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b) Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 342 học sinh, số học sinh nữ là 156 em chiếm 45,6%. Có 14 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 24,4 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 98,5% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 342/342 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

c) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;

thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

2. Chất lượng đạt được về năng lực; phẩm chất; các môn học, hoạt động giáo dục.

2.1. Về phẩm chất : 100% HS được xếp loại các phẩm chất từ Đạt trở lên cụ thể.

Phẩm chất	Xếp loại		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
TSHS			67	67	77	64	67
Yêu nước	Tốt	SL	38	38	45	39	41
		TL	56,7	56,7	58,4	60,9	61,2
	Đạt	SL	29	29	32	25	26
		TL	43,3	43,3	41,6	39,1	38,8
Nhân ái	Tốt	SL	39	39	48	40	42
		TL	58,2	58,2	62,3	62,5	62,7
	Đạt	SL	28	28	29	24	25
		TL	41,8	41,8	37,7	37,5	37,3
Chăm chỉ	Tốt	SL	37	39	48	41	43
		TL	55,2	58,2	62,3	64,1	64,2
	Đạt	SL	30	28	29	23	24
		TL	44,8	41,8	37,7	35,9	35,8
Trung thực	Tốt	SL	39	40	48	41	44
		TL	58,2	59,7	62,3	64,1	65,7
	Đạt	SL	28	27	29	23	23
		TL	41,8	40,3	37,7	35,9	43,3
Trách nhiệm	Tốt	SL	35	35	40	36	39
		TL	52,2	52,2	51,9	56,3	58,2
	Đạt	SL	32	32	37	28	28
		TL	47,8	47,8	48,1	43,8	41,8

2.2. Về năng lực

Các em đã phát triển các năng lực chung, năng lực đặc thù. Biết tự lực, tự học và giải quyết vấn đề. 100% học sinh được xếp loại năng lực Đạt trở lên, kết quả cụ thể như sau:

TSHS	Xếp loại		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Nội dung			67	67	77	64	67
Tự chủ, tự học	Tốt	SL	37	35	43	37	42
		TL	55,2	52,2	55,8	57,8	62,7
	Đạt	SL	30	32	34	27	25
		TL	44,8	47,8	44,2	42,2	37,3
Giao tiếp và hợp tác	Tốt	SL	34	34	41	37	42
		TL	50,7	50,7	53,2	57,8	62,7
	Đạt	SL	33	33	36	27	25
		TL	49,3	49,3	46,8	42,2	37,3
GQVĐ và sáng tạo	Tốt	SL	33	34	41	36	38
		TL	49,3	50,7	53,2	56,3	56,7
	Đạt	SL	33	33	36	28	29
		TL	49,3	49,3	46,8	43,8	43,3
Ngôn ngữ	Tốt	SL	35	35	42	37	41
		TL	52,2	52,2	54,5	57,8	61,2

	Đạt	SL	32	32	35	27	26
		TL	47,8	47,8	52,2	42,2	38,8
Tính toán	Tốt	SL	35	35	43	37	42
		TL	52,2	52,2	55,8	57,8	62,7
	Đạt	SL	31	32	34	27	25
		TL	46,3	47,8	44,2	42,2	37,3
Thâm mỹ	Tốt	SL	35	35	42	36	40
		TL	52,2	52,2	54,5	56,3	59,7
	Đạt	SL	32	32	35	28	27
		TL	47,8	47,8	45,5	43,8	40,3
Thế chất	Tốt	SL	38	39	47	40	43
		TL	56,7	58,2	61,0	62,5	64,2
	Đạt	SL	29	28	30	24	24
		TL	43,3	41,8	39,0	37,5	35,8
Tin học	Tốt	SL			45	37	42
		TL			58,4	57,8	62,7
	Đạt	SL			32	27	25
		TL			41,6	42,2	37,3
Công nghệ	Tốt	SL			42	36	43
		TL			54,5	56,3	64,2
	Đạt	SL			36	28	24
		TL			46,8	43,8	35,8
Năng lực khoa học	Tốt	SL	37	38	46	38	43
		TL	55,2	56,7	59,7	59,4	64,2
	Đạt	SL	30	29	31	26	24
		TL	44,8	43,3	40,3	40,6	35,8

2.3 Kết quả môn học và Hoạt động giáo dục

Kết quả môn học và hoạt động giáo dục													
Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số HS		67		67		77		64		67		339	
Môn học	Mức độ đạt	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
Tiếng Việt	HTT	33	49,3	33	49,3	40	51,9	35	54,7	37	55,2	178	52,5
	HT	33	49,3	34	50,7	37	48,1	29	45,3	30	44,8	163	48,1
	CHT	1	1,5									1	0,3
Toán	HTT	34	50,7	33	49,3	41	53,2	35	54,7	38	56,7	181	53,4
	HT	32	47,8	34	50,7	36	46,8	29	45,3	29	43,3	160	47,2
	CHT	1	1,5									1	0,3
Ngoại ngữ	HTT	16	57,1	22	56,4	40	51,9	35	54,7	38	56,7	151	44,5
	HT	11	39,3	17	43,6	37	48,1	29	45,3	29	43,3	123	36,3
	CHT	1	3,6									1	0,3
Đạo đức	HTT	38	56,7	38	56,7	46	59,7	40	62,5	42	62,7	204	60,2
	HT	29	43,3	29	43,3	31	40,3	24	37,5	25	37,3	138	40,7
	CHT												
TN&XH	HTT	36	53,7	38	56,7	46	59,7					120	35,4
	HT	31	46,3	29	43,3	31	40,3					91	26,8

	CHT												
LS và Địa lý	HTT							35	54,7	38	56,7	73	21,5
	HT							29	45,3	29	43,3	58	17,1
	CHT												
Khoa học	HTT							37	57,8	39	58,2	76	22,4
	HT							27	42,4	28	41,8	55	16,2
	CHT												
Tin học	HTT					40	51,9	36	56,2	38	56,7	114	33,6
	HT					37	48,1	28	43,8	29	43,3	94	27,7
	CHT												
GDTC	HTT	37	55,2	38	56,7	46	59,7	40	62,5	42	62,7	203	59,9
	HT	30	44,8	29	43,3	31	40,3	24	37,5	25	37,3	139	41,0
	CHT												
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	52,2	35	52,2	43	55,8	36	56,2	38	56,7	187	55,2
		32	47,8	32	47,8	34	44,2	28	43,8	29	43,3	155	45,7
	Mỹ thuật	34	50,7	35	52,2	43	55,8	36	56,2	38	56,7	186	54,9
		33	49,3	32	47,8	34	44,2	28	43,8	29	43,3	156	46,0
HĐTN	HT	36	53,7	37	55,2	43	55,8	38	59,4	40	59,7	194	57,2
	CHT	31	46,3	30	44,8	34	44,2	26	40,6	27	40,3	148	43,7
	CHT												
Công nghệ	HTT					40	51,9	37	57,8	39	58,2	116	34,2
	HT					37	48,1	27	42,2	28	41,8	92	27,1
	CHT												

Xếp loại KQGD :

Khối	Kết quả giáo dục								
	SLHS	HT XS		HT Tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
1	67	12	17,9	19	28,4	35	52,2	1	1,5
2	67	12	17,9	21	31,3	34	50,7		
3	77	14	18,2	26	33,8	37	48,1		
4	64	12	28,8	23	35,9	29	45,3		
5	67	14	20,9	23	34,3	30	44,8		

*** Tham gia các cuộc thi:**

Các thành tích học sinh đạt được trong các hội thi cụ thể như sau:

- Thi IOE cấp trường đạt: 11 em; cấp huyện 01 em, cấp tỉnh 01 em
- Thi Giao lưu kiến thức văn hoá cấp trường đạt: 34 em; cấp huyện 10 em.
- Thi giải thể thao học sinh phổ thông ngành giáo dục huyện Mường chà có: 2 giải nhất; 1 giải nhì; 01 giải ba.
- Thi đấu trường Vioedu cấp trường đạt: 28 em; cấp huyện 17 em; cấp tỉnh 01 em đạt giải bạc.
- Thi Viết chữ đẹp cấp trường đạt: 107 em;
- Tỷ lệ học sinh được khen chiếm tỷ lệ cao:

+ HTXS: $64/342 = 18,7\%$

+ HTT: $111/342 = 32,5\%$

- 65 bài tham gia dự cuộc thi “ Ý tưởng trẻ thơ” với chủ đề “Ý tưởng cho một cuộc sống tốt đẹp hơn” cấp trường và lựa chọn được 27 bài tham gia dự thi cấp trên theo hướng dẫn.

- Tham gia cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 54 là 150 bài dự thi cấp trường, lựa chọn 35 bài gửi đi dự thi các cấp.

- Dưới sự hướng dẫn của thầy cô các em Tham gia cuộc thi Sáng tác truyện tranh 1 bộ và được gửi về ban tổ chức.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 67/67 đạt 100%

2.4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng;
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.744.704 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 10.371.816.704 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 8.233.066.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 2.138.750.704 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 10.363.816.704 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 10.363.816.704 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 8.000.000 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng,

bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 77 đội viên mới trong năm học.
- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”
- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.
- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.
- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống các loại dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

+ CB, GV, NV ủng hộ các loại quỹ năm học 2024 - 2025: được 20.528.000đ đồng.

+ Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 22 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 04 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Nhà trường chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy - học của GV - HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

8. Công tác phổ cập giáo dục

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) và Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Xã Na Sang đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức 2.

9. Công tác quản lý:

Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.

Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà

trường.

Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường PTDTBT TH Số 2 Na Sang theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

Nơi nhận:

- UBND xã Na Sang;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Anh